

Số: 296 /TB-UBND

Tp. Tây Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều và hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh năm 2023 trên địa bàn thành phố Tây Ninh

Thực hiện Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 15/09/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh về tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều và hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh năm 2023 trên địa bàn thành phố Tây Ninh;

Căn cứ Báo cáo số 859./BC-UBND ngày 19./12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều và hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh năm 2023 trên địa bàn thành phố Tây Ninh.

Ủy ban nhân dân Thành phố Thông báo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều và hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh năm 2023 trên địa bàn thành phố Tây Ninh, cụ thể như sau:

1. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều

- Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo: 50 hộ/37.523 hộ, chiếm tỷ lệ 0,13%.

Trong đó:

+ Hộ nghèo: 0 hộ, không còn hộ nghèo.

+ Hộ cận nghèo: 50 hộ/139 nhân khẩu.

+ Hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình là 16 hộ/45 nhân khẩu.

2. Kết quả rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh

- Tổng số hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh: 145 hộ/371 nhân khẩu.

(Kèm theo bảng tổng hợp số lượng chi tiết từng phường, xã)

Đề nghị Ủy ban nhân dân các phường, xã căn cứ Thông báo này để ban hành Quyết định công nhận hộ cận nghèo đa chiều, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, hộ thoát nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, theo đúng quy định./.

Nơi nhận: *20/12/2023*

- Sở Lao động TBXH Tây Ninh;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND Thành phố;
- CT và các PCT. UBND Thành phố;
- Ban TT. UBNNMTQVN Thành phố;
- Phòng LĐTB&XH Thành phố;
- UBND phường, xã;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hiếu

Mẫu số 7.1. TONG HOP KET QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Tỉnh, thành phố: Thành phố

Năm rà soát: 2023

TT	Khu vực/Địa bàn	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát (chính thức)			
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4	5	6.00
I	Thành thị	30,425	111,309	0	0	46	0.1512
1	Phường 1	4,659	15,706	0	0.00	9	0.1932
2	Phường 2	1,980	7,654	0	0.00	11	0.5556
3	Phường 3	5,316	17,202	0	0.00	18	0.3386
4	Phường IV	3,369	11,582	0	0.00	1	0.0297
5	Ninh Thạnh	4,282	16,197	0	0.00	1	0.0234
6	Ninh Sơn	6,431	23,398	0	0.00	2	0.0311
7	Hiệp Ninh	4,388	19,570	0	0.00	4	0.0912
II	Nông thôn	7,098	25,880	0	0	4	0.0564
8	Bình Minh	2,473	8,705	0	0.00	0	0.0000
9	Tân Bình	1,999	7,027	0	0.00	1	0.0500
10	Thạnh Tân	2,626	10,148	0	0.00	3	0.1142
III	Tổng cộng (I + II)	37,523	137,189	0	0.0000	50	0.1333

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO
CỦA TỈNH TÂY NINH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NĂM 2023**

STT	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo		Trong đó, số hộ không khả năng thoát nghèo	
		Số hộ	nhân khẩu	số hộ	số nhân khẩu
1	2	3	4	5	6
1	Phường 1	7	12	2	2
2	Phường 2	7	10	6	8
3	Phường 3	7	17	2	3
4	Phường 4	9	38	1	1
5	phường Hiệp Ninh	11	26	0	0
6	Phường Ninh Sơn	9	20	2	2
7	Phường Ninh Thạnh	60	135	2	3
8	xã Bình Minh	1	2	0	0
9	xã Tân Bình	21	82	0	0
10	xã Thạnh Tân	12	29	0	0
	Tổng cộng	145	371	15	19



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HỘ LÀM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP VÀ DIÊM NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2023

STT	Đơn vị	Số hộ	Số nhân khẩu	số người trong độ tuổi lao động	số lao động đã qua đào tạo nghề
1	2		3	4	
	Thành phố	16	45	13	0
1	Xã Thạnh Tân	9	24	10	0
2	Xã Tân Bình	7	21	13	0